

Bản án số: 16/2019/KDTM-ST
Ngày: 08-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương,

Ông Bùi Hữu Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L sinh năm 1981; địa chỉ: Số 199 B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 52634.19 ngày 12/6/2019)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đắc C sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn C sinh năm 1955;

Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1962;

Anh Hoàng Văn M sinh năm 1983;

Chị Hoàng Thị L sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà D, anh M và chị L: Anh Nguyễn Đắc C (Văn bản ủy quyền ngày 05 và 06 tháng 11 năm 2019).

Ông L có mặt; anh C vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); ông C, bà D, anh M và chị L vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Đắc C có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số 278/HĐTD1-VIB32/12 ngày 12/10/2012 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) và Phụ lục hợp đồng số 278.01.017/PLHĐTD ngày 25/4/2013 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh C vay là 750.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh sơn và máy lọc nước, thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 100m² và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 01C thôn Nhân Lý, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là ông Hoàng Văn C, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 014101 ngày 14/11/1998, số vào sổ cấp giấy 23QSDD/HP-TN-CN (sau đây viết tắt là Thửa đất số 150); được công chứng tại Văn phòng công chứng An Phát thành phố Hải Phòng ngày 14/5/2011 số công chứng 3488, Quyền số 02 và thực hiện đăng kí giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 25/10/2013 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng vẫn không thực hiện được. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/11/2019 là 1.131.037.298 đồng, trong đó nợ gốc là 344.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 583.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 785.654.230 đồng; yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 150 trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Trong biên bản làm việc ngày 29/8/2019 anh C thừa nhận số nợ với Ngân hàng. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/11/2019 anh C trình bày hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng cho anh thêm thời gian để thu xếp trả nợ và cam kết trả hết nợ trong tháng 12/2020.

Trong văn bản ngày 11/9/2019 ông Hoàng Văn C đồng ý với trình bày của Ngân hàng về thế chấp tài sản và việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là đúng, đề nghị Ngân hàng cho bên vay trả nợ dần, chưa phát mại tài sản của ông.

Ông Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp

luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 122, 323, 343, 351, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005; các điều 117, 298, 299, 323, 463, 466, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/11/2019 là 1.131.037.298 đồng, trong đó nợ gốc là 344.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 583.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 785.654.230 đồng; bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 150 để nguyên đơn thu hồi nợ; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh C, ông C, bà D, anh M và chị L đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C, ông C, bà D, anh M và chị L.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về thế chấp tài sản thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 150 trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 45.931.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Đắc C phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo Hợp đồng tín dụng số số 278/HĐTD1-VIB32/12 ngày 12/10/2012 và Phụ lục hợp đồng số 278.01.017/PLHĐTD ngày 25/4/2013 tính đến ngày 08/11/2019 với tổng số tiền là 1.131.037.298 đồng, trong đó nợ gốc là 344.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 583.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 785.654.230 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Nguyễn Đắc C không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất diện tích 100m² và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 01C thôn Nhân Lý, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là ông Hoàng Văn C, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 014101 ngày 14/11/1998, số vào sổ cấp giấy 23QSĐĐ/HP-TN-CN.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đắc C phải nộp 45.931.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 25.300.000 đồng tại biên lai số 0002924 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng